

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 9 - NĂM HỌC: 2024 – 2025

Lưu ý: Đề cương mang tính tham khảo, học sinh cần vận dụng liên hệ thực tế thêm

I. TRẮC NGHIỆM: Em hãy chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1: Sau ngày 30 – 4 – 1975, vẫn tồn tại chính phủ ở miền Nam có tên là:

- A. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. B. Chính phủ Quốc gia Việt Nam
C. Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. D. Chính quyền Sài Gòn

Câu 2: Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) chủ trương gì?

- A. Đổi mới đất nước. C. Công nghiệp hóa hiện đại hóa.
B. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước. D. Kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Câu 3: Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước vào thời gian nào?

- A. Tháng 5/1975. C. Tháng 7/1976.
B. Tháng 9/1975. D. Tháng 12/1976.

Câu 4: Tháng 7 – 1976 kì họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI đã diễn ra tại đâu?

- A. Hà Nội. C. Huế.
B. Tuyên Quang. D. Sài Gòn.

Câu 5: Kì họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI nước Việt Nam thống nhất (1976) đã quyết định tên nước là gì?

- A. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. B. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
C. Việt Nam Cộng hòa. D. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Việt Nam.

Câu 6: Theo quyết định của kì họp thứ nhất của Quốc hội khóa VI (1976), thành phố Sài Gòn - Gia Định được đổi thành Thành phố:

- A. Hồ Chí Minh. C. Gia Định.
B. Sài Gòn. D. Biên Hòa.

Câu 7: Tháng 12-1978, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ:

- A. Biên giới phía Bắc. C. Biên giới phía Tây.
B. Biên giới Tây Nam. D. Biên giới phía Đông.

Câu 8: Tháng 2-1979, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ:

- A. Biên giới phía Bắc. C. Biên giới phía Tây Nam
B. Biên giới phía Nam. D. Biên giới phía Đông.

Câu 9: Trong giai đoạn 1976 – 1986, Việt Nam vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa thực hiện cuộc đấu tranh:

- A. Bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc và Tây Nam. C. Chống xâm nhập của Khome đỏ
B. Bảo vệ biên giới Đông Bắc và Tây Bắc D. Chống Trung Quốc ở phía Tây Nam

Câu 10: Sau khi hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước, từ năm 1976 đến năm 1985, Việt Nam đã trải qua mấy lần kế hoạch 5 năm?

- A. 1 lần C. 3 lần.
B. 2 lần. D. 4 lần.

Câu 11: Tổ chức nào đã tấn công vào tòa tháp đôi của Trung tâm Thương mại thế giới và trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ (9-2001)?

- A. Quân đội Liên Xô. C. Chính quyền I – rắc.
B. Khủng bố (Al Qaeda). D. Quân đội Pháp.

Câu 12: Trật tự thế giới mới vào đầu thế kỷ XXI đang hình thành theo xu hướng nào?

- A. Đối thoại, hòa hoãn. B. Đa cực, nhiều trung tâm.
C. Hai cực, hai trung tâm. D. Đơn cực, một trung tâm.

Câu 13: Bước sang thế kỷ XXI, với sự tiến triển của xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển kinh tế, Việt Nam có những thời cơ gì?

- A. Ứng dụng khoa học – kĩ thuật C. Thu hút vốn và mở rộng thị trường.
B. Hợp tác kinh tế, thu hút vốn đầu tư và ứng dụng khoa học kĩ thuật. D. Học hỏi kinh nghiệm quản lý.

Câu 14: Bước sang thế kỷ XXI, xu hướng chủ đạo của trật tự thế giới đa cực là:

- A. Tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự. C. Cạnh tranh khốc liệt để tồn tại.
B. Đối thoại và hợp tác. D. Cạnh tranh về kinh tế.

Câu 15: Liên bang Nga được thành lập vào thời gian nào?

A. Tháng 12 năm 1990

B. Tháng 6 năm 1991

C. Tháng 12 năm 1991

D. Tháng 10 năm 1992

Câu 16: Tháng 12-1993, Hiến pháp Liên bang Nga được ban hành quy định nước Nga theo thể chế:

A. Quân chủ lập hiến.

B. Dân chủ tư sản.

C. Tổng thống liên bang.

D. Xã hội chủ nghĩa.

Câu 17: Trong những năm 1990, nền kinh tế Liên bang Nga rơi vào tình trạng nào?

A. Phát triển ổn định.

B. Khủng hoảng trầm trọng.

C. Phát triển mạnh về công nghiệp.

D. Tăng trưởng bền vững.

Câu 18: Tình hình kinh tế Liên bang Nga giai đoạn 1991 – 1995 là

A. Tăng trưởng âm.

B. Tăng trưởng nhanh chóng.

C. Phục hồi.

D. Ổn định.

Câu 19: Phong trào xung đột sắc tộc căng thẳng nhất nước Nga là:

A. Phong trào li khai vùng Tréc – xni – a.

B. Phong trào xung đột ở Moscow.

C. Phong trào xung đột ở Grozny.

D. Phong trào xung đột ở Ta – tắc – tan.

Câu 20: Sau năm 1991, Tổng thống B. En- xin đã tiến hành cải tổ nền kinh tế Nga theo hướng nào?

A. Kinh tế tập thể.

B. Kinh tế tư nhân.

C. Kinh tế thị trường tự do.

D. Kinh tế tự cung, tự cấp.

Câu 21: Sự phân bố dân cư của vùng Bắc Trung bộ có đặc điểm như thế nào?

A. Tập trung ở nông thôn

C. Phân hóa theo chiều Bắc xuống Nam

B. Phân hóa theo chiều Tây sang Đông

D. Tập trung ở thành thị.

Câu 22: Vùng Bắc Trung Bộ gồm bao nhiêu tỉnh?

A. 4.

B. 5.

C. 6

D. 7.

Câu 23. Đảo Cồn Cỏ thuộc tỉnh nào sau đây?

A. Quảng Bình.

B. Quảng Trị.

C. Thanh Hóa.

D. Nghệ An.

Câu 24. Tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất vùng Bắc Trung Bộ (năm 2021)?

A. Quảng Bình

B. Nghệ An.

C. Thanh Hóa.

D. Hà Tĩnh.

Câu 25. Tỉnh nào có mật độ dân số thấp nhất vùng Bắc Trung Bộ (năm 2021)?

A. Quảng Bình

B. Nghệ An.

C. Quảng Trị

D. Hà Tĩnh.

Câu 26. Tỉnh nào hẹp nhất vùng Bắc Trung Bộ?

A. Thừa Thiên Huế.

B. Thanh Hóa.

C. Quảng Bình.

D. Nghệ An.

Câu 27. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây?

A. Đà Nẵng.

B. Quảng Ngãi.

C. Quảng Nam.

D. Khánh Hòa.

Câu 28. Tỉnh nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vừa có đường biên giới, vừa có đường bờ biển?

A. Khánh Hòa.

B. Quảng Ngãi.

C. Quảng Nam.

D. Bình Thuận.

Câu 29. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào của Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Bình Định.

B. Phú Yên.

C. Khánh Hòa.

D. Bình Thuận.

Câu 30. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đến năm 2004 có bao nhiêu tỉnh và thành phố?

A. 4.

B. 5.

C. 6.

D. 7.

Câu 31: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố?

A. 4.

B. 5.

C. 8

D. 7.

Câu 32. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là cửa ngõ ra biển của vùng kinh tế nào?

A. Đồng bằng Sông Hồng.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Tây Nguyên.

D. Đông Nam Bộ.

Câu 33. Loại khoáng sản nào giàu trữ lượng nhất ở vùng Tây Nguyên?

A. Bô-xít.

B. Kẽm.

C. Than đá.

D. Vàng.

Câu 34. Thành phố Đà Lạt nổi tiếng về loại nông sản nào?

A. Hồ tiêu, bông.

C. Chè, điều.

B. Hoa, rau quả ôn đới.

D. Cao su và hoa.

Câu 35. Cây công nghiệp lâu năm nào trồng nhiều nhất vùng Tây Nguyên?

A. Chè.

B. Cà phê

C. Điều.

D. Cao su.

Câu 36. Tỉnh nào của vùng Tây Nguyên nằm ở vị trí ngã ba biên giới?

A. Gia Lai

B. Đắk Lắk.

C. Lâm Đồng.

D. Kon Tum.

Câu 37: Vùng Tây Nguyên gồm bao nhiêu tỉnh?

- A. 4. B. 5. C. 6. D. 3.

Câu 38. Tỉnh nào có diện tích cà phê nhiều nhất vùng Tây Nguyên?

- A. Gia Lai. B. Đắk Lắk. C. Lâm Đồng. D. Đắk Nông.

Câu 39. Cây công nghiệp lâu năm nào trồng nhiều nhất vùng Đông Nam Bộ?

- A. Cà phê. B. Điều. C. Cao su. D. Hồ tiêu.

Câu 40. Khoáng sản nào có trữ lượng lớn ở vùng Đông Nam Bộ?

- A. Dầu khí. B. Bô-xit. C. Than. D. đồng.

Câu 41. Vùng Đông Nam Bộ có bao nhiêu tỉnh thành giáp biển?

- A. 3. B. 4. C. 6. D. 2.

Câu 42. Hồ nhân tạo nào cung cấp nước cho nông nghiệp của vùng Đông Nam Bộ?

- A. Hồ Ba Bể. B. Hồ Tơ Nưng. C. Hồ Dầu Tiêng. D. Hồ Tuyên Lâm.

Câu 43. Vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của vùng Đông Nam Bộ không giáp vùng kinh tế nào?

- A. Đồng bằng sông Hồng. C. Tây Nguyên.
B. Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 44. Vùng kinh tế nào có tỉ lệ gia tăng cơ học cao nhất nước (2021)?

- A. Trung du và miền núi Bắc Bộ. C. Đông Nam Bộ.
B. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

II. PHẦN TỰ LUẬN:

A/ PHẦN LỊCH SỬ:

Câu 1: Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

a. Nguyên nhân thắng lợi

- Sự lãnh đạo của Đảng với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ.
- Nhân dân Việt Nam yêu nước, dũng cảm, thông minh.
- Hậu phương miền Bắc đáp ứng các yêu cầu của cuộc chiến.
- Sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới.

b. Ý nghĩa lịch sử

***Trong nước:**

- + Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.
- + Hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thu non sông về một mối.
- + Mở ra một kỉ nguyên mới cho lịch sử dân tộc - kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

***Thế giới:**

- + Tác động mạnh đến tình hình nước Mỹ và thế giới.
- + Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc, các cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Câu 2: Trình bày phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (Hoàn cảnh, chủ trương, diễn biến, kết quả)

a. Hoàn cảnh:

- Sau khi Pháp rút khỏi miền Nam, đế quốc Mỹ can thiệp và dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta.
- Trong những năm 1955 - 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, từ chối tổng tuyển cử, thi hành chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” và đạo “luật 10/59”, tăng cường khủng bố, đàn áp nhân dân.

b. Chủ trương của Đảng:

- Hội nghị Trung ương lần thứ 15 của Đảng (1- 1959) đã xác định con đường cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với đấu tranh vũ trang của nhân dân đánh đổ ách thống trị của Mỹ - Diệm.

c. Diễn biến chính:

- Phong trào Đồng khởi bắt đầu từ những cuộc nổi dậy lẻ tẻ ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bắc Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi -1959).
- 17/01/1960 nhân dân 3 xã thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre với “đội quân tóc dài” đã nổi dậy đánh đồn bót, phá thế kìm kẹp của địch. Ủy ban nhân dân tự quản và lực lượng vũ trang nhân dân được thành lập
- Từ Bến Tre, phong trào lan rộng khắp miền Nam, giải phóng một vùng rộng lớn.

d. Kết quả:

- Phong trào Đồng khởi đã đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- Ngày 20-12-1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời.

Câu 3: Những thành tựu và hạn chế trong việc thực hiện đường lối đổi mới của Việt Nam.

a/-Thành tựu: Trong những năm 1986 – 1991, công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng; củng cố vững chắc độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

b/-Hạn chế:

- Kinh tế Việt Nam còn mất cân đối, lạm phát vẫn ở mức cao, chế độ tiền lương chưa hợp lý, đời sống nhân dân ở một số vùng vẫn còn khó khăn.

B/ PHÂN MÔN: ĐỊA LÍ 9**Câu 1. Phân tích tình hình phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ giai đoạn 2010 – 2021?**

(Đơn vị: nghìn/ tấn)

Năm	2010	2015	2021
Khai thác	707,0	913,6	1167,9
Nuôi trồng	80,8	86,5	101,3

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, năm 2016 và 2022)

Câu 2. Bảng: Một số tiêu chí phát triển dân cư, văn hóa vùng Tây Nguyên (năm 2021)

Tiêu chí	Số liệu/ Đơn vị tính
Số dân	6 (triệu người)
Mật độ dân số	111 (người/km ²)
Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên	1,25 %
Tỉ lệ dân thành thị	29 %
Tỉ lệ dân nông thôn	71 %
Tỉ lệ người lớn biết chữ	91,8%

Câu 3. Thế mạnh và hạn chế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng Đông Nam Bộ.**a. Thế mạnh:**

- **Địa hình, đất:** Đất ba-dan màu mỡ, đất xám , đất phù sa cổ → Thuận lợi phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả.
- **Khí hậu:** khí hậu cận xích đạo gió mùa nhiệt độ cao, lượng mưa lớn, mùa mưa và mùa khô phân hóa rõ rệt → hoạt động kinh tế diễn ra quanh năm, cây trồng nhiệt đới phát triển.
- **Nguồn nước:** nhiều sông, hồ lớn: sông Đồng Nai, sông Bé, sông Sài Gòn, hồ Trị An, Dầu Tiếng, nước khoáng Bình Châu → thuận lợi phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy điện và giao thông, du lịch.
- **Khoáng sản:** Thềm lục địa có dầu mỏ và khí tự nhiên → phát triển công nghiệp khai khoáng và chế biến
- **Rừng:** các vườn quốc gia (Cát Tiên, Bù Gia Mập), khu dự trữ sinh quyển (Cần Giờ, Đồng Nai). → thuận lợi đối với môi trường và du lịch.
- **Biển, đảo:** vùng biển rộng lớn, hải sản dồi dào. Thềm lục địa có dầu mỏ và khí, các bãi tắm đẹp → phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

b. Hạn chế: tình trạng thiếu nước, xâm nhập mặn, hạn hán trong mùa khô → ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và đời sống .

Câu 4. Phân tích vị thế của Thành phố Hồ Chí Minh.**Bảng: Một số chỉ số kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh so với cả nước đến năm 2021:**

Chỉ số	So với cả nước (%)
Diện tích	0.6
Dân số	9,16
Thu ngân sách	25
GRDP ngành công nghiệp	22
Kim ngạch xuất khẩu	16
Giá trị sản xuất CN	18

Câu 5. Ảnh hưởng của tự nhiên đến sự hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ?

-Vùng Bắc Trung Bộ có lãnh thổ và địa hình độc đáo tạo điều kiện hình thành nên cơ cấu kinh tế khác nhau giữa phía đông và phía tây

Khu vực	Hoạt động kinh tế
Vùng núi đồi ở phía tây	Trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc, phát triển công nghiệp khai khoáng
Vùng đồng bằng ven biển phía đông	Sản xuất lương thực, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất công nghiệp, thương mại, du lịch

Hết.